

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 5 Điều 30; Điều 212 và 213; khoản 3 Điều 147; khoản 3 Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 463; 466; 317; 318; 319; 320 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91,95 Luật các tổ chức tín dụng.

Áp dụng khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14; điểm e mục 1.4 Danh mục về mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành theo;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thụ lý số: 06/2020/TLST-KDTM ngày 04 tháng 03 năm 2020;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện. Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự :

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V (tên viết tắt BIDV)

Địa chỉ: Tháp BIDV, 35 H , phường L , quận H , Thành phố H .

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chủ tịch HĐQT

Người được ủy quyền: Ông Trần Trung K - Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V - Chi nhánh B .

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Xuân H - Phó giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V - Chi nhánh B.

Bị đơn: Công ty TNHH TMDV N

Địa chỉ: Số 89 T , phường B , thị xã B , tỉnh T .

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Thế S – chức vụ: Giám đốc
(Ông S ủy quyền cho bà Trần Thị T theo giấy ủy quyền ngày 16/4/2020)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đinh Quang T sinh năm 1971

Trú tại: Số 89 T , phường B , thị xã B , tỉnh T.

(Ông S ủy quyền cho bà Trần Thị T theo giấy ủy quyền ngày 04/05/2020)

2. Chị Đinh Thị T sinh năm 1992

Trú tại: Khu phố X, phường B, thị xã B, tỉnh T

(Chị T ủy quyền cho bà Trần Thị T theo giấy ủy quyền ngày 04/05/2020)

3. Ông Lương Huy H sinh năm 1987

Trú tại: Khu phố X, phường B, thị xã B, tỉnh T.

(Anh Hiến ủy quyền cho bà Trần Thị Toan theo giấy ủy quyền ngày 04/05/2020)

3. Công ty TNHH Gia Phát

Địa chỉ: Khu phố X, phường L, thị xã B, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị T – chức vụ: Giám đốc.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công ty TNHH TMDV N phải trả cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 13/7/2021 là: 10.636.951.568đ (*Mười tỷ, sáu trăm ba mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi mốt ngàn, năm trăm sáu mươi tám đồng*). Trong đó nợ gốc là 8.350.186.862đ, lãi trong hạn là 1.540.233.034đ và lãi quá hạn là 746.531.672đ.

Tính từ ngày 14/7/2021, công ty N vẫn phải tiếp tục trả số nợ lãi trên số tiền gốc chưa trả được cho Ngân hàng, cho đến khi trả hết toàn bộ số nợ, với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/4236487/HĐTD ngày 12/6/2018 ký kết giữa Ngân hàng BIDV chi nhánh B và công ty TNHH TMDV N.

Nếu Công ty TNHH TMDV N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các nghĩa vụ nêu trên, thì Ngân hàng BIDV có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại đối với tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp đã ký kết để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của Công ty TNHH TMDV N đối với Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V – chi nhánh B gồm:

- Xe ô tô tải Hyundai BKS36C – 00778 theo Hợp đồng thế chấp số 02/2012/HĐBĐ ngày 09/02/2012;

- xe máy mức BKS: 36LA 0452 theo Hợp đồng thế chấp số 05/2018/HĐBĐ ngày 07/12/2018;

- Xe ô tô tải Cửu Long BKS36C – 02155 theo Hợp đồng thế chấp số 06/2012/HĐBĐ ngày 30/3/2012;

- Xe ô tô tải BKS36C – 04253 theo Hợp đồng thế chấp số 01/2013/HĐBĐ ngày 29/3/2013;

- Xe ô tô tải BKS 36C – 05889 theo Hợp đồng thế chấp số 03/2013/HĐBĐ ngày 08/8/2013;

- Xe ô tô Chevrolet BKS36A – 03552 theo Hợp đồng thế chấp số 01/2014/HĐBĐ ngày 27/01/2014;
 - Xe ô tô tải Cửu Long BKS36C – 08661 theo Hợp đồng thế chấp số 01/2014/HĐBĐ ngày 29/8/2014;
 - xe ô tô tải đầu kéo CNHTC BKS: 29C – 46146 theo Hợp đồng thế chấp số 01/2015/HĐBĐ ngày 13/02/2015;
 - xe ô tô tải đầu kéo CNHTC BKS: 29C – 47546 theo Hợp đồng thế chấp số 02/2015/HĐBĐ ngày 13/3/2015;
 - xe Sơ mi ro móc BKS: 36R – 00821 theo Hợp đồng thế chấp số 09/2015/HĐBĐ ngày 27/11/2015;
 - Sơ mi ro móc BKS: 29R – 02916 theo Hợp đồng thế chấp số 01/2015/HĐBĐ ngày 13/02/2015;
 - Sơ mi ro móc BKS: 29R – 02919 theo Hợp đồng thế chấp số 01/2015/HĐBĐ ngày 13/02/2015;
 - Sơ mi ro móc BKS: 29R – 02992 theo Hợp đồng thế chấp số 01/2016/HĐBĐ ngày 31/8/2016;
 - Xe HOWO BKS:29C – 53586 theo Hợp đồng thế chấp số 01/2016/HĐBĐ ngày 31/8/2016;
 - xe Sơ mi ro móc BKS: 36R – 01660 theo Hợp đồng thế chấp số 01/2018/HĐBĐ ngày 11/5/2018;
 - Sơ mi ro móc BKS: 36R – 01654 theo Hợp đồng thế chấp số 01/2018/HĐBĐ ngày 11/5/2018;
 - xe đầu kéo CNHTC BKS: 29C – 48758 theo Hợp đồng thế chấp số 04/2018/HĐBĐ ngày 18/10/2018;
 - Xe tải HOKA BKS: 36C – 20847 theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/HĐBĐ ngày 28/3/2017;
 - xe đầu kéo BKS: 36C 20864 theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/HĐBĐ ngày 28/3/2017;
 - Xe ô tô CRV BKS: 36A – 33047 theo Hợp đồng thế chấp số 03/2018/HĐBĐ ngày 06/7/2018;
- Xe ô tô tải DONGFENG BKS36C – 01839 theo Hợp đồng thế chấp số 04/2012/HĐBĐ ngày 23/02/2012;
- Ghi nhận việc Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V rút một phần yêu cầu về số tiền gốc là 2.954.813.138đ và rút yêu cầu về đề nghị kê biên tài sản thế chấp gồm: Tài sản bảo đảm khoản vay thuộc sở hữu của bà Trần Thị T là Sổ tiết kiệm số

AAC 3900978 và AAC 3900980 trị giá 1.000.000.000đ. Tài sản bảo đảm khoản vay thuộc sở hữu của bà Trần Thị T và ông Đinh Quang T là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 992323, số vào sổ cấp GCN: CS – TQ/03386 do sở tài nguyên môi trường H cấp ngày 03/04/2018; Tài sản bảo đảm khoản vay thuộc sở hữu của Công ty TNHH TMDV N là Xe ô tô tải DONGFENG BKS36C – 01923; xe đầu kéo BKS: 29C – 51797.

Về án phí:- Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm công ty N phải nộp 59.318.475đ (*năm mươi chín triệu, ba trăm mười tám ngàn, bốn trăm bảy mươi lăm đồng*)

-Trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 60.037.900đ (sáu mươi triệu, không trăm ba mươi bảy ngàn, chín trăm đồng) theo biên lai thu số: AA/2017 / 0006211 ngày 04 tháng 03 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự B .

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bim Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bim Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tạ Thị Hương